

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG:**DANH SÁCH CBVC ĐẠT CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TOEFL 450/IELTS 5.0 (HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG) TRỞ LÊN**

TT	Họ và tên	Đơn vị	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2
1	Quách Hoài Nam	Giám hiệu	IELTS 5.5	
2	Lê Thị Tường	K. CNTP	IELTS 5.0	
3	Nguyễn Trọng Bách	K. CNTP	IELTS 5.0	
4	Huỳnh Thị Ái Vân	K. CNTP	IELTS 5.5	
5	Trần Thanh Giang	K. CNTP	IELTS 6.5	
6	Võ Thị Ngọc Dung	K. CNTP	IELTS 5.5	
7	Phan Thị Khánh Vinh	K. CNTP	IELTS 6.5	
8	Nguyễn Thị Hằng	K. CNTP	IELTS 5.0	
9	Phạm Văn Đạt	K. CNTP	IELTS 5.0	
10	Nguyễn Xuân Duy	K. CNTP	IELTS 5.0	
11	Vũ Lệ Quyên	K. CNTP	IELTS	
12	Đặng Trung Thành	K. CNTP	IELTS 6.0	
13	Nguyễn Bảo	K. CNTP	DELFB2 52	
14	Trần Thị Huyền	K. CNTP	IELTS 5.0	
15	Đỗ Trọng Sơn	K. CNTP	IELTS 5.0	
16	Trần Thị Mỹ Hạnh	K. CNTP	IELTS 5.0	
17	Phan Thị Thanh Hiền	K. CNTP	DELFA2 58	
18	Phạm Thị Đan Phượng	K. CNTP	IELTS 5.0	
19	Đỗ Thị Thanh Thủy	K. CNTP	IELTS 5.0	
20	Nguyễn Thị Mỹ Trang	K. CNTP	TOEIC 425	
21	Phạm Hồng Ngọc Thùy	K. CNTP	IELTS 6.5	
22	Đặng Thị Thu Hương	K. CNTP	IELTS 5.0	
23	Nguyễn Hồng Ngân	K. CNTP	IELTS	
24	Trần Thị Phương Anh	K. CNTP	DELFB1	
25	Hoàng Thị Thu Thảo	K. CNTP	IELTS 5.5	
26	Trần Thị Thảo Vy	K. CNTP	TOEIC 615	
27	Bùi Chí Thành	K. CNTT	IELTS 5.0	
28	Phạm Thị Kim Ngoan	K. CNTT	IELTS 5.0	
29	Lê Thị Thanh Nhân	K. CNTT	IELTS 6.5	
30	Huỳnh Thị Châu Phú	K. CNTT	TOEFL (IBT) 64	
31	Bùi Đức Dương	K. CNTT	IELTS	
32	Lê Hoàng Thanh	K. CNTT	IELTS 6.5	
33	Trần Minh Văn	K. CNTT	TOEFL (IBT) 85	
34	Nguyễn Đình Hoàng Sơn	K. CNTT	IELTS 5.5	
35	Nguyễn Thủy Đoàn Trang	K. CNTT	IELTS 5.0	
36	Nguyễn Hữu Khôi	K. CNTT	IELTS 6.5	
37	Huỳnh Tuấn Anh	K. CNTT	IELTS 5.0	
38	Đàm Khánh Hữu Thế	K. CNTT	IELTS 5.0	
39	Mai Cường Thọ	K. CNTT	DELFA2 75,5	
40	Trần Mạnh Khang	K. CNTT	IELTS 5.0	
41	Lê Nam Tuấn	K. CNTT	IELTS 5.5	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2
42	Nguyễn Thị Hà	K. CNTT	IELTS	
43	Nguyễn Văn Hân	K. Cơ khí	IELTS 6.0	
44	Đặng Xuân Phương	K. Cơ khí	Cử nhân Anh văn	
45	Bùi Đức Tài	K. Cơ khí	IELTS 5.0	
46	Mai Nguyễn Trần Thành	K. Xây dựng	IELTS 5.0	
47	Trần Văn Hùng	K. Cơ khí	IELTS 5.0	
48	Nguyễn Văn Định	K. Cơ khí	TOEIC 475	
49	Nguyễn Hữu Nghĩa	K. Cơ khí	IELTS 5.0	
50	Lương Đức Vũ	K. Cơ khí	DELTA A2 64	
51	Trần Thị Bảo Tiên	K. Cơ khí	IELTS 5.0	
52	Đặng Nhật Khánh	K. Cơ khí	IELTS 5.0	
53	Nguyễn Trọng Quỳnh	K. Cơ khí	IELTS 5.5	
54	Nguyễn Văn Phúc	K. Cơ khí	IELTS 5.0	
55	Vũ Thị Nhài	K. Cơ khí	TOEIC 620	
56	Nhữ Khải Hoàn	K. Điện - Điện tử	Cử nhân Anh văn	
57	Hoàng Thị Thơm	K. Điện - Điện tử	IELTS 5.5	
58	Nguyễn Văn Hân	K. Điện - Điện tử	IELTS 6.0	
59	Phan Nhật Nguyên	K. Điện - Điện tử	IELTS 5.5	
60	Nguyễn Thanh Tuấn	K. Điện - Điện tử	IELTS 6.0	
61	Trần Đức Dũng	K. Điện - Điện tử	TOEFL (IBT) 83	
62	Nguyễn Thành Phương	K. Điện - Điện tử	TOEIC 805	
63	Nguyễn Thị Thu Trang	K. Điện - Điện tử	TOEIC 615	
64	Nguyễn Xuân Huy	K. Điện - Điện tử	TOEIC 600	
65	Lê Thị Hường	K. Điện - Điện tử	IELTS 5.5	
66	Nguyễn Hữu Tâm	K. KHCT	TOEIC 480	
67	Ngô Văn An	K. KHCT	Cử nhân Anh văn	
68	Trương Thị Xuân	K. KHCT	TOEFL (ITP) 507	
69	Trịnh Công Tráng	K. KHCT	Cử nhân Anh văn	
70	Vũ Thị Bích Hạnh	K. KHCT	IELTS 5.0	
71	Trần Thị Tân	K. KHCT	Cử nhân Anh văn	
72	Trần Trọng Đạo	K. KHCT	Cử nhân Anh văn	
73	Nguyễn Văn Hạnh	K. KHCT	Cử nhân Anh văn	
74	Đinh Thị Sen	K. KHCT	Cử nhân Anh văn	
75	Lê Việt Phương	K. KHCT	Cử nhân Anh văn	
76	Trần Thị Việt Hoài	K. KHCT	Cử nhân Anh văn	
77	Huỳnh Phương Duyên	K. KHCT	TOEFL 500	
78	Lê Hoàng Phương Thủy	K. KHCT	TOEFL 513	
79	Trương Võ Quốc Việt	K. KHCT	TOEFL ITP 627	
80	Phan Thị Xuân Hương	K. Kinh tế	Cử nhân Anh văn	
81	Phạm Hồng Mạnh	K. Kinh tế	Cử nhân Anh văn	
82	Phạm Thị Thanh Thủy	K. Kinh tế	IELTS 5.5	
83	Võ Văn Diễn	K. Kinh tế	IELTS 5.0	
84	Đặng Hoàng Xuân Huy	K. Kinh tế	IELTS 5.0	
85	Nguyễn Thị Trâm Anh	K. Kinh tế	Cử nhân Anh văn	
86	Hồ Huy Tựu	K. Kinh tế	IELTS 5.5	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2
87	Mai Thị Linh	K. Kinh tế	IELTS 5.0	
88	Nguyễn Thị Nga	K. Kinh tế	IELTS 5.0	
89	Trần Thùy Chi	K. Kinh tế	IELTS 6.0	
90	Huỳnh Thị Ngọc Diệp	K. Kinh tế	IELTS 5.5	
91	Lê Thị Thanh Ngân	K. Kinh tế	IELTS 6.0	
92	Nguyễn Thị Dung	K. Kinh tế	IELTS 6.0	
93	Bùi Thu Hoài	K. Kinh tế	IELTS 7.5	
94	Bùi Ng. Phúc Thiên Chương	K. Kinh tế	TOEFL (ITP) 627	
95	Bùi Bích Xuân	K. Kinh tế	IELTS 5.0	
96	Phạm Thành Thái	K. Kinh tế	IELTS 5.0	
97	Nguyễn Thu Thủy	K. Kinh tế	TOEFL 400	
98	Cao Thị Hồng Nga	K. Kinh tế	IELTS 6.0	
99	Vũ Thị Hoa	K. Kinh tế	IELTS 5.5	
100	Tăng Thị Hiền	K. Kinh tế	IELTS 5.0	
101	Trần Thị Thu Hòa	K. Kinh tế	IELTS 5.5	
102	Nguyễn Thị Hải Anh	K. Kinh tế	Cử nhân Anh văn	
103	Trương Ngọc Phong	K. Kinh tế	IELTS 5.0	
104	Lê Hồng Lam	K. Kinh tế	Cử nhân Anh văn	
105	Võ Đình Quyết	K. Kinh tế	TOEFL 483	
106	Nguyễn Ngọc Duy	K. Kinh tế	IELTS 5.5	
107	Phạm Thế Anh	K. Kinh tế	Cử nhân Anh văn	
108	Lê Ngọc Hương	K. Kinh tế	TOEFL (ITB) 477	
109	Nguyễn Thị Hà Trang	K. Kinh tế	DELTA B2 71	
110	Lê Chí Công	K. Kinh tế	Cử nhân Anh văn	
111	Nguyễn Thị Hồng Đào	K. Kinh tế	IELTS 7.0	
112	Lê Trần Phúc	K. Kinh tế	IELTS 5.5	
113	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	K. Kinh tế	IELTS 5.0	
114	Phan Thị Kim Liên	K. Kinh tế	C1 AV 6.0	
115	Huỳnh Cát Duyên	K. Kinh tế	DELTA B2 63,75	
116	Nguyễn Thị Huyền Thương	K. Kinh tế	IELTS 6.5	
117	Nguyễn Thị Hồng Trâm	K. Kinh tế	TOEIC 860	
118	Tạ Thị Vân Chi	K. Kinh tế	IELTS 6.0	
119	Lê Bá Quỳnh Châu	K. Kinh tế	TOEIC 750	
120	Đoàn Nguyễn Khánh Trân	K. Kinh tế	TOEIC 715	
121	Huỳnh Văn Vũ	K. KTGT	Cử nhân Anh văn	
122	Bùi Văn Nghiệp	K. KTGT	Cử nhân Anh văn	
123	Phạm Thanh Nhựt	K. KTGT	Cử nhân Anh văn	
124	Huỳnh Lê Hồng Thái	K. KTGT	IELTS 5.0	
125	Nguyễn Chí Thanh	K. KTGT	IELTS 5.5	
126	Hoàng Văn Thọ	K. KTGT	IELTS 5.5	
127	Trần Đình Tứ	K. KTGT	IELTS 5.5	
128	Đỗ Quang Thắng	K. KTGT	IELTS 5.5	
129	Lê Đình Ngọc Cận	K. KTGT	IELTS 5.5	
130	Hồ Đức Tuấn	K. KTGT	IELTS 5.5	
131	Nguyễn Bích Hương Thảo	K. KTTC	Cử nhân Anh văn	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2
132	Nguyễn Văn Hương	K. KTTC	TOEIC 485	
133	Lê Thị Thanh Huệ	K. KTTC	IELTS 6.5	
134	Mai Diễm Lan Hương	K. KTTC	Cử nhân Anh văn	
135	Bùi Thị Thu Hà	K. KTTC	IELTS 5.5	
136	Phan Hồng Nhung	K. KTTC	IELTS 6.0	
137	Từ Mai Hoàng Phi	K. KTTC	Cử nhân Anh văn	
138	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	K. KTTC	TOEFL 497	
139	Nguyễn Thị Lan Phương	K. KTTC	IELTS 5.5	
140	Nguyễn Thị Cẩm Tú	K. KTTC	IELTS 5.5	
141	Nguyễn Thành Cường	K. KTTC	B248TA3	
142	Nguyễn Thị Hồng Nhung	K. KTTC	IELTS 6.0	
143	Bùi Mạnh Cường	K. KTTC	IELTS 5.0	
144	Đỗ Thị Ly	K. KTTC	IELTS 5.0	
145	Vương Thị Khánh Chi	K. KTTC	IELTS 5.5	
146	Nguyễn Thị Thanh Hà	K. KTTC	IELTS 5.5	
147	Võ Văn Càn	K. KTTC	IELTS 5.0	
148	Nguyễn Thị Liên Hương	K. KTTC	IELTS 5.5	
149	Lê Thị Thùy Dương	K. KTTC	IELTS 5.0	
150	Phạm Thị Phương Uyên	K. KTTC	IELTS	
151	Hoàng Văn Tuấn	K. KTTC	IELTS 5.0	
152	Nguyễn Hữu Mạnh	K. KTTC	IELTS 5.5	
153	Phan Thị Lệ Thúy	K. KTTC	IELTS 5.0	
154	Phan Thị Khánh Trang	K. KTTC	TOEFL 507	
155	Hoàng Thị Dự	K. KTTC	IELTS 5.5	
156	Nguyễn Thị Kim Dung	K. KTTC	IELTS 8.0	
157	Trần Nguyễn Hương Quỳnh	K. KTTC	IELTS 6.5	
158	Huỳnh Thị Như Thảo	K. KTTC	IELTS 6.0	
159	Nguyễn Thị Kim Anh	K. KTTC	TOEFL 500	
160	Nguyễn Duy sự	K. Ngoại ngữ	Tiến sỹ Tiếng Pháp	
161	Hoàng Công Bình	K. Ngoại ngữ	Tiến sỹ Tiếng Anh	Cử nhân Nga Nga văn
162	Đặng Kiều Diệp	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh IELTS 7.0	
163	Nguyễn Hoàng Hồ	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh	
164	Nguyễn Thị Thúy Hồng	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh	
165	Võ Nguyễn Hồng Lam	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh IELTS 7.0	
166	Nguyễn Trọng Lý	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh	DELTA A2 72
167	Lê Hoàng Duy Thuận	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh	DELTA A2
168	Phạm Thị Hải Trang	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh	DELTA A2 54
169	Nguyễn Phương Lan	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh	
170	Trần Thị Minh Khánh	K. Ngoại ngữ	Tiến sỹ Tiếng Anh	DELTA A3
171	Phạm Thị Kim Uyên	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh	DELTA A2 74,5
172	Phạm Thị Minh Châu	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Trung	DELTA A2 71,5
173	Lê Cao Hoàng Hà	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh	DELTA A2 73,5
174	Bùi Thị Ngọc Oanh	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh	DELTA A2 65,5

TT	Họ và tên	Đơn vị	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2
175	Ngô Quỳnh Hoa	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh	
176	Phan Minh Đức	K. Ngoại ngữ	Cử nhân Nga văn	
177	Trần Thị Thúy Quỳnh	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh	DELTA A2 74
178	Nguyễn Phan Quỳnh Thư	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh TOEIC 930	
179	Lê Thị Thu Nga	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh TOEIC 915	
180	Bùi Văn Anh	K. Ngoại ngữ	Cử nhân Anh văn TOEIC 930	
181	Nguyễn Thị Thiên Lý	K. Ngoại ngữ	Cử nhân Anh văn TOEIC 910	DELTA A2 87
182	Trần Thị Cúc	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh IELTS 7.5	
183	Hồ Yến Nhi	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ Tiếng Anh IELTS 7.0	
184	Hà Thị Thanh Tuyền	K. Ngoại ngữ	TOEFL (IBT) 72	
185	Phạm Bá Linh	K. Xây dựng	Cử nhân Anh văn	
186	Bạch Văn Sỹ	K. Xây dựng	IELTS 5.0	
187	Lê Thanh Cao	K. Xây dựng	TOEFL 530	
188	Trần Quang Huy	K. Xây dựng	IELTS 5.5	
189	Lê Thái Sơn	K. Xây dựng	IELTS 5.5	
190	Phạm Xuân Tùng	K. Xây dựng	TOEFL 547	
191	Đặng Quốc Mỹ	K. Xây dựng	TOEFL ITP 510	
192	Hồ Chí Hận	K. Xây dựng	TOEFL ITP 500	
193	Trương Đắc Dũng	K. Xây dựng	IELTS 5.0	
194	Dương Đình Hào	K. Xây dựng	IELTS 5.0	
195	Trần Quang Duy	K. Xây dựng	TOEFL 517	
196	Tô Văn Phương	P. Đào tạo	IELTS 5.5	
197	Đinh Thị Thu Hà	P. ĐBCL-KT	IELTS 7.0 TOEIC 950	
198	Trần Trương Thi Thơ	P. ĐBCL-KT	Cử nhân Anh văn	
199	Lê Đức Việt	P. HTĐN	JLPT N1	
200	Đào Ngọc Ánh	P. HTĐN	Cử nhân Anh văn	
201	Lê Anh Mai Hân	P. HTĐN	Cử nhân Anh văn	
202	Lương Đình Duy	P. HTĐN	Thạc sỹ tiếng Anh	
203	Vũ Kế Nghiệp	P. KHCN	Cử nhân Anh văn	
204	Lê Thị Bảo Châu	P. KHCN	Thạc sỹ tiếng Trung	
205	Nguyễn Thị Hiền	P. KHTC	Cử nhân Anh văn	
206	Trần Thị Thanh Nhân	Thư viện	Cử nhân Anh văn	
207	Nguyễn Thị Diệu Phương	TT. TV&HTSV	Cử nhân tiếng Trung	
208	Trịnh Đức Minh	TT. GDQP	TOEFL 460	
209	Nguyễn Văn Hoà	TT. TNTH	IELTS 5.0	
210	Nguyễn Thị Hồng Mai	TT. TNTH	IELTS 5.0	
211	Phan Thị Phượng	TT. TNTH	Cử nhân Anh văn	
212	Vũ Đặng Hạ Quyên	V. CNSH&MT	IELTS 5.5	
213	Khúc Thị An	V. CNSH&MT	Cử nhân Anh văn	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2
214	Nguyễn Thị Kim Cúc	V. CNSH&MT	TOEFL 500	
215	Phạm Ngọc Minh Quỳnh	V. CNSH&MT	IELTS	
216	Văn Hồng Cầm	V. CNSH&MT	IELTS 6.0	
217	Lê Phương Chung	V. CNSH&MT	IELTS 5.0	
218	Phạm Thị Minh Hải	V. CNSH&MT	IELTS 5.5	
219	Nguyễn Thị Hải Thanh	V. CNSH&MT	IELTS 6.0	
220	Nguyễn Thị Anh Thu	V. CNSH&MT	IELTS 6.0	
221	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	V. CNSH&MT	IELTS 5.0	
222	Trần Nguyễn Vân Nhi	V. CNSH&MT	IELTS 5.5	
223	Ngô Phương Linh	V. CNSH&MT	IELTS 5.5	
224	Lê Nhật Thành	V. CNSH&MT	IELTS 6.0	
225	Trương Trọng Danh	V. CNSH&MT	IELTS 6.5 TOEIC 690	
226	Nguyễn Thị Chính	V. CNSH&MT	TOEIC 620	
227	Trần Thị Tâm	V. CNSH&MT	IELTS 5.5	
228	Phạm Văn Thông	V. KH&CN Khai thác	IELTS	
229	Nguyễn Trọng Lương	V. KH&CN Khai thác	B1 AV 4.5	
230	Nguyễn Văn Nhuận	V. KH&CN Khai thác	IELTS 5.0	
231	Vũ Như Tân	V. KH&CN Khai thác	IELTS 5.0	
232	Nguyễn Y Vang	V. KH&CN Khai thác	IELTS 5.0	
233	Nguyễn Hữu Thanh	V. KH&CN Khai thác	IELTS 5.5	
234	Ngô Thị Thanh Thảo	V. KH&CN Khai thác	Cử nhân Anh văn	
235	Phùng Thế Trung	V. Nuôi	IELTS 5.0	
236	Vũ Trọng Đại	V. Nuôi	IELTS 5.0	
237	Trần Văn Dũng	V. Nuôi	IELTS 6.5	
238	Đoàn Xuân Nam	V. Nuôi	IELTS 5.5	
239	Trần Thanh Tâm	V. Nuôi	IELTS 6.0	
240	Phạm Thị Anh	V. Nuôi	IELTS 5.5	
241	Đàm Bá Long	V. Nuôi	Cử nhân Anh văn	
242	Tôn Nữ Mỹ Nga	V. Nuôi	IELTS 6.0	
243	Vũ Thị Thùy Minh	V. Nuôi	IELTS 6.0	
244	Mai Đức Thao	V. Nuôi	IELTS 5.5	
245	Nguyễn Thị Thùy Giang	V. Nuôi	IELTS 6.0	
246	Hứa Thị Ngọc Dung	V. Nuôi	IELTS 5.0	
247	Phạm Thị Hạnh	V. Nuôi	IELTS 5.0	
248	Lê Thành Cường	V. Nuôi	IELTS 5.5	
249	Đình Văn Khương	V. Nuôi	IELTS 6.5	
250	Phạm Phương Linh	V. Nuôi	IELTS 6.5	
251	Trần Thị Lê Trang	V. Nuôi	IELTS 5.5	
252	Lê Hoàng Thị Mỹ Dung	V. Nuôi	IELTS 5.5	
253	Phạm Thị Khanh	V. Nuôi	IELTS 5.0	
254	Phạm Đức Hùng	V. Nuôi	IELTS 6.0	

MỘT SỐ MINH CHỨNG KÈM THEO

INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

BẢN SAO

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules.
GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are **not** designed to test the full range of language skills required for academic purposes.
It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed **after two years** from the date of the test.

Centre Number Date Candidate Number

Candidate Details

Family Name
First Name
Candidate ID



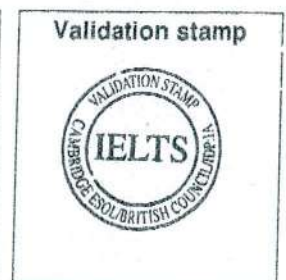
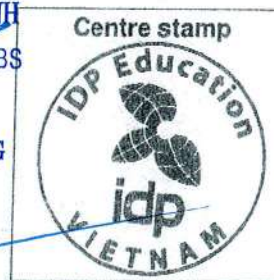
Date of Birth Sex (M/F) Scheme Code
Country or Region of Origin
Country of Nationality
First Language

Test Results

Listening Reading Writing Speaking Overall Band Score

Administrator Comments

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực *7029* Quyền số SCT/BS
Ngày *07/07/2014* tháng năm 20.....
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP TP. NHA TRANG



Writing Examiner Number

Administrator's Signature *Nguyễn Thị Kim Hà*

Speaking Examiner Number

Date

Test Report Form Number



UNIVERSITY of CAMBRIDGE
ESOL Examinations

ATTESTATION DE RÉUSSITE

Je soussigné PERROT Yann
Président du jury
au Centre d'examen de : NHA TRANG (VIETNAM)

atteste que :

NGUYEN Thi Thien Ly
née le **08/07/1991** à **Khanh Hoa (VIETNAM)**
de nationalité : **VIETNAMIENNE**
n° de candidat : **084271-000935**

a présenté avec succès les épreuves de l'examen :

DEL F A2

Niveau **A2** du Cadre européen commun de référence pour les langues

session : **2014-11-T**

à : **Centre de Français de Nha Trang**

avec les résultats suivants :

ÉCRIT	Compréhension	note :	23,50 / 25	NOTE FINALE : 87,00 / 100
	Production	note :	21,50 / 25	
ORAL	Compréhension	note :	19,50 / 25	
	Production	note :	22,50 / 25	

fait le 24/11/2014

le Président du jury



Le DELF et le DALF comportent 7 diplômes indépendants :

DELF A1.1	DELF A1	DELF A2
	DELF B1	DELF B2
	DALF C1	DALF C2

Le présent document atteste de la réussite au diplôme correspondant, en l'attente de la délivrance du diplôme définitif.

Important : cette attestation comporte votre numéro d'identification DELF-DALF. Ce numéro est définitif. Vous devez le communiquer à chacune de vos inscriptions, dans le même centre d'examen ou dans un centre différent.

Cette attestation est délivrée en un seul exemplaire. Aucun double ne pourra être établi. Ne vous en dessaisissez jamais.

ATTESTATION DE RÉUSSITE

Je soussigné **PERROT Yann**
Président du Jury DELF
au Centre d'examen de : **NHA TRANG (VIETNAM)**

atteste que :

NGUYEN Thi Ha Trang
née le 10/07/1989 à Nha Trang (VIETNAM)
de nationalité : VIETNAMIENNE
n° de candidat : 084271-000257

a présenté avec succès les épreuves de l'examen :

DELF B2

Niveau B2 du Cadre européen commun de référence pour les langues

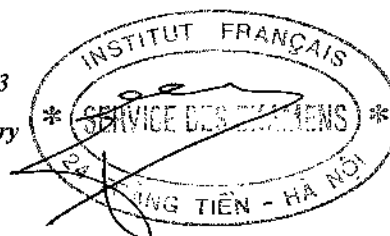
session : 2013-11-T à : Centre de Français de Nha Trang

avec les résultats suivants :

ÉCRIT	Compréhension	note :	19,00 / 25	NOTE FINALE : 71,00 / 100
	Production	note :	21,50 / 25	
ORAL	Compréhension	note :	10,00 / 25	
	Production	note :	20,50 / 25	

fait le 11/12/2013

le Président du jury



Le DELF et le DALF comportent 7 diplômes indépendants :

DELF A1.1 DELF A1 DELF A2
DELF B1 DELF B2
DALF C1 DALF C2

Le présent document atteste de la réussite au diplôme correspondant, en l'attente de la délivrance du diplôme définitif.

Important : cette attestation comporte votre numéro d'identification DELF-DALF. Ce numéro est définitif. Vous devez le communiquer à chacune de vos inscriptions, dans le même centre d'examen ou dans un centre différent.

Cette attestation est délivrée en un seul exemplaire. Aucun double ne pourra être établi. Ne vous en dessaisissez jamais.

ATTESTATION DE RÉUSSITE

Je soussigné **PERROT Yann**
Président du Jury DELF
au Centre d'examen de : **NHA TRANG (VIETNAM)**
atteste que :

HUYNH Cat Duyen
née le **03/02/1989** à **Nha Trang (VIETNAM)**
de nationalité : **VIETNAMIENNE**
n° de candidat : **084271-000858**

a présenté avec succès les épreuves de l'examen :

DELF B2

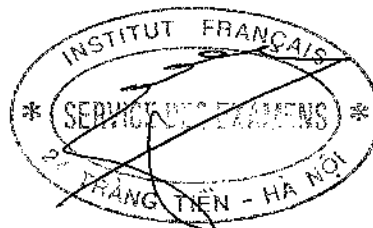
Niveau B2 du Cadre européen commun de référence pour les langues

session : **2013-11-T** à : **Centre de Français de Nha Trang**

avec les résultats suivants :

ÉCRIT	Compréhension	note :	14,50 / 25	
	Production	note :	17,00 / 25	
ORAL	Compréhension	note :	10,75 / 25	
	Production	note :	21,50 / 25	
				NOTE FINALE : 63,75 / 100

fait le **11/12/2013**
le Président du jury



Le DELF et le DALF comportent 7 diplômes indépendants :

DELF A1.1 DELF A1 DELF A2
DELF B1 DELF B2
DALF C1 DALF C2

Le présent document atteste de la réussite au diplôme correspondant, en l'attente de la délivrance du diplôme définitif.

Important : cette attestation comporte votre numéro d'identification DELF-DALF. Ce numéro est définitif. Vous devez le communiquer à chacune de vos inscriptions, dans le même centre d'examen ou dans un centre différent.

Cette attestation est délivrée en un seul exemplaire. Aucun double ne pourra être établi. Ne vous en dessaisissez jamais.

INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules.
GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes.
It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test

Centre Number **VN101** Date **12/OCT/2013** Candidate Number **004189**

Candidate Details

Family Name **TRAN**
First Name **NGUYEN HUONG QUYNH**
Candidate ID **B6491243**

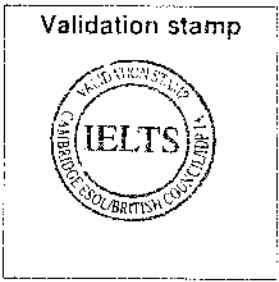
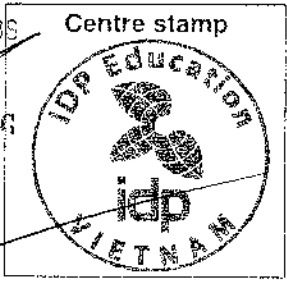


Date of Birth **03/11/1988** Sex (M/F) **F** Scheme Code **Private Candidate**
Country or Region of Origin
Country of Nationality **VIET NAM**
First Language **VIETNAMESE**

Test Results

Listening **7.5** Reading **8.0** Writing **7.0** Speaking **6.0** Overall Band Score **7.0**

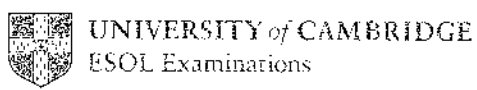
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng **002223** Quyền số..... SCT/BS
Ngày..... **29/04/2014**, năm 20.....
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP TP. NHA TRANG



Writing Examiner Number **992390**
Speaking Examiner Number **989342**

Administrator's Signature *Nguyễn Thị Hồng Hoa*

Date **23/10/2013** Test Report Form Number **13VN004189TRAN101A**



INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules.
GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are **not** designed to test the full range of language skills required for academic purposes.
It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed **after two years** from the date of the test.

Centre Number Date Candidate Number

Candidate Details

Family Name

TRAN

First Name

THI QUOC

Candidate ID

151554912



Date of Birth Sex (M/F) Scheme Code

Country or Region of Origin First Language

Repeating IELTS (Y/N) Previous Test Date Previous Test Centre

Test Results

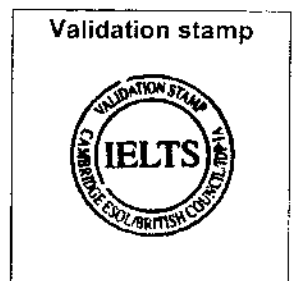
Listening Reading Writing Speaking Overall Band Score

Administrator Comments

Centre stamp



Validation stamp



Writing Examiner Number

Administrator's Signature

Speaking Examiner Number

Date

Test Report Form Number



UNIVERSITY of CAMBRIDGE
ESOL Examinations

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules.
GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are **not** designed to test the full range of language skills required for academic purposes.
It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed **after two years** from the date of the test.

Centre Number

VN101

Date

08/OCT/2015

Candidate Number

006951

Candidate Details

Family Name

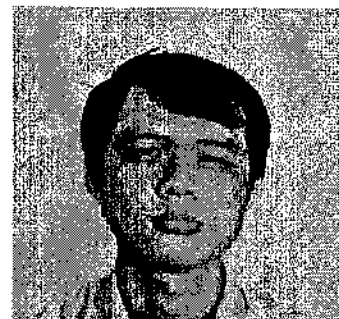
NGUYEN

First Name

THANH TUAN

Candidate ID

B6785749



Date of Birth

26/11/1988

Sex (M/F)

M

Scheme Code

Private Candidate

Country or Region of Origin

Country of Nationality

VIET NAM

First Language

VIETNAMESE

Test Results

Listening

5.5

Reading

6.5

Writing

6.0

Speaking

5.0

Overall Band Score

6.0

CEFR Level

B2

Administrator Comments

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 22 tháng 10 năm 2015
Đã kiểm tra
22/10/15



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
NHA TRANG
TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC-HÀNH CHÍNH
Administrator's Signature

Date

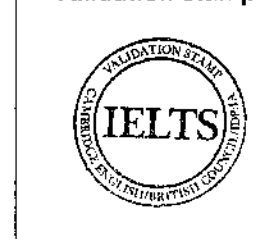
20/10/2015

Trần Đức Lương

Centre stamp



Validation stamp



Test Report Form Number

15VN006951NGUT101A

INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

Test Report Form

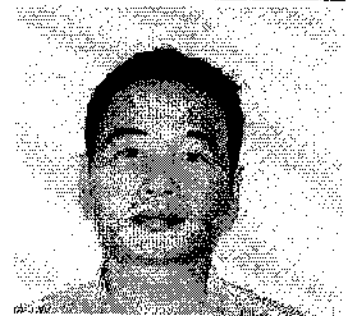
ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules. GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes. It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test.

Centre Number Date Candidate Number

Candidate Details

Family Name
First Name
Candidate ID

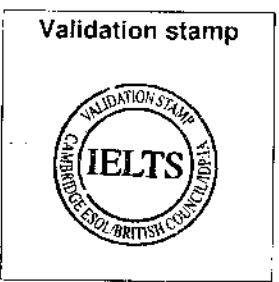
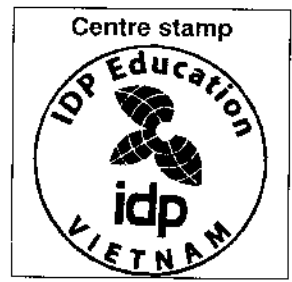


Date of Birth Sex (M/F) Scheme Code
Country or Region of Origin
Country of Nationality
First Language

Test Results

Listening Reading Writing Speaking Overall Band Score

Administrator Comments



Writing Examiner Number
Speaking Examiner Number

Administrator's Signature

Date Test Report Form Number



UNIVERSITY of CAMBRIDGE
ESOL Examinations

INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

Test Report Form

ACADEMIC

BẢN SAO

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules. GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes. It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test.

Centre Number

VN101

Date

06/DEC/2014

Candidate Number

007204

Candidate Details

Family Name

PHAM

First Name

PHUONG LINH

Candidate ID

186 10132



Date of Birth

02/09/1984

Sex (M/F)

F

Scheme Code

Private Candidate

Country or Region of Origin

Country of Nationality

VIET NAM

First Language

VIETNAMESE

Test Results

Listening

8.0

Reading

6.0

Writing

6.0

Speaking

6.0

Overall Band Score

6.5

Administrator Comments

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 000442 Quyển số.....SCT/BS

Ngày 11-02-2015 tháng..... năm 20.....

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP TP. NHA TRANG

Centre stamp



Validation stamp



Administrator's Signature

Nguyễn Thị Kim Hà

Date

18/12/2014

Test Report Form Number

1861013201406



CAMBRIDGE ENGLISH
Language Assessment
Part of the University of Cambridge

INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

Test Report Form

ACADEMIC

BẢN SAO

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules. GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes. It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test.

Centre Number Date Candidate Number

Candidate Details

Family Name
First Name
Candidate ID



Date of Birth Sex (M/F) Scheme Code
Country or Region of Origin
Country of Nationality
First Language

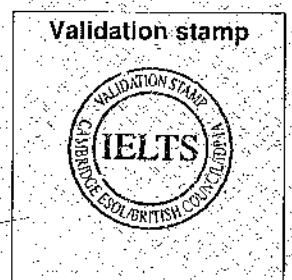
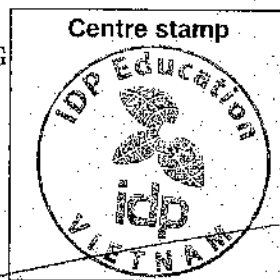
Test Results

Listening Reading Writing Speaking Overall Band Score

CHUNG THUC BAN SAO DUNG VOI BAN CHINH
Số chứng thư: 22032014
Ngày: 27 tháng 02 năm 2014
SCT/BS

Administrator Comments Ngày..... tháng..... năm 20.....

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP TP. NHA TRANG



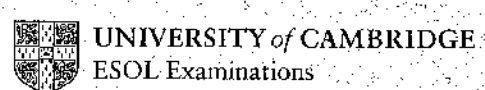
Writing Examiner Number

Administrators Signature *Nguyễn Thị Kim Hoa*

Speaking Examiner Number

Date

Test Report Form Number



INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules. GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes. It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test.

Centre Number VN101

Date 14/FEB/2015

Candidate Number 009942

Candidate Details

Family Name VU

First Name NHU TAN

Candidate ID B9058460



Date of Birth 04/07/1986

Sex (M/F) M

Scheme Code Private Candidate

Country or Region of Origin

Country of Nationality VIET NAM

First Language VIETNAMESE

Test Results

Listening 5.5 Reading 5.5 Writing 5.5 Speaking 5.5 Overall Band Score 5.5

Administrator Comments

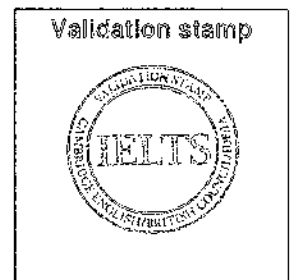
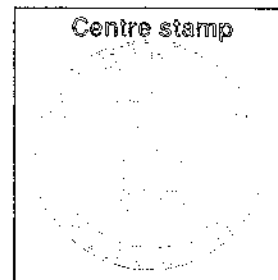
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 12...tháng...02...năm 2015...
TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH



Trần Đức Lương

Administrator's Signature

Date 09/03/2015



Test Report Form Number 14VN009942VUN101A



TOEFL ITP Score Report

Name of Institution: IIG VIETNAM

Name: NGUYEN HAN

Student Number: 225290946

DOB: 03/11/1986

Sex: M Degree:

Times Taken TOEFL: 2+

Native Country: Vietnam

Native Language: Vietnamese

Scaled Scores:

Listening Comprehension: 48
Structure & Written Expression: 49
Reading Comprehension: 53
Total Score: 500

Test Date: 04/23/2014

Form: TOEFL ITP

 ETS TOEFL ITP

The face of this document has a security background. The back contains a watermark. Hold at an angle to view.

The tests offered under the TOEFL Institutional Testing Program (ITP) are intended for use by the administering educational institution only. Under this program, scores are reported to the institution administering the test and cannot be transferred to other institutions. **If candidates need TOEFL scores for admission to universities and colleges, they must take the TOEFL test.**

82740-16573 • FB40R300 • Printed in U.S.A.

I.N. 300253

INSTITUTIONAL TESTING F
Student's
Do

THIS IS AN ITP SCORE REPORT

This ITP score record is NOT to be used to fulfill entrance requirements to universities. It is for the administering institution only.

Copyright © 2008 by Educational Testing Service.



TOEIC

**LISTENING AND READING TEST
OFFICIAL SCORE REPORT**

Name: Dang Kieu Diep

Date of Birth: 01-Jul-1975

ID Number: 220922469

Test Date: 11-Jan-2010

Client: INDIVIDUAL



LISTENING

430

READING

375

**TOTAL
SCORE**

805

Report is valid
for two years
from the test
administration
date.

TOEIC Vietnam Tel: 84-4-7732602 Email: info@iigvietnam.com Web: www.toEIC.com.vn



The back of this document contains a watermark. Hold at an angle to view.
Copyright © 2007 by Educational Testing Service. All rights reserved. ETS, the ETS logos, and TOEIC are registered trademarks of Educational Testing Service.

IN0801-01

INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules.
GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes.
It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test.

Centre Number

VN028

Date

17/MAR/2012

Candidate Number

302679

Candidate Details

Family Name

DO

First Name

THUY TRINH

Candidate ID

225368681



Date of Birth

27/01/1989

Sex (M/F)

F

Scheme Code

Private Candidate

Country or Region of Origin

VIETNAM

First Language

VIETNAMESE

Repeating IELTS (Y/N)

N

Previous Test Date

Previous Test Centre

Test Results

Listening

5.5

Reading

6.5

Writing

6.0

Speaking

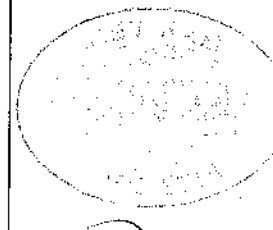
5.0

Overall Band Score

6.0

Administrator Comments

Centre stamp



Validation stamp



Writing Examiner Number

051518

Administrator's Signature

Thankhuu

Speaking Examiner Number

991742

Date

28/03/2012

Test Report Form Number

11VN302679DOT028A



UNIVERSITY of CAMBRIDGE
ESOL Examinations

INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and postgraduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules.
GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes.
It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test.

Centre Number

VN028

Date

17/NOV/2011

Candidate Number

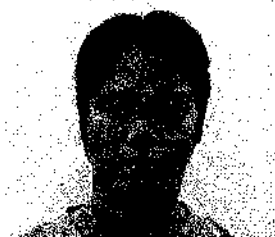
005357

Candidate Details

Family Name

First Name

Candidate ID



Date of Birth

25/01/1981

Sex (M/F)

M

Scheme Code

Private Candidate

Country or Region of Origin

Vietnam

First Language

Vietnamese

Repeating IELTS (Y/N)

N

Previous Test Date

Previous Test Centre

Test Results

Listening



Reading



Writing



Speaking



Overall Band Score

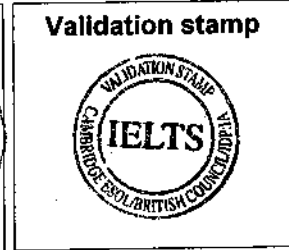


Administrator Comments

Centre stamp



Validation stamp



Writing Examiner Number

072074

Administrator's Signature

Speaking Examiner Number

991742

Date

28/11/2011

Test Report Form Number



UNIVERSITY of CAMBRIDGE
ESOL Examinations

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

NHA TRANG UNIVERSITY

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

Upon: (Mr, Ms) *Nguyen Thi Thuy*
Born on: 19/05/1978
Major in: English Language
Ranking: Strong-pass
Mode of study: Full-time



Serial number: 00359308

Reference number: 28230



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm 20.....

P. TRƯỞNG KHOA ĐẠI HỌC TẠI CHỨC

Bùi Hữu Tiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Danh hiệu: Bằng Cử nhân (Bằng thứ hai)

Cho: *Nguyễn Thị Thuy*
Giới tính: NỮ
Ngày, tháng, năm sinh: 19/05/1978
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh
Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá
Hình thức đào tạo: Chính quy

Nha Trang, ngày 27 tháng 4 năm 2011.



HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: 006

Số vào sổ cấp bằng: 28230

Vũ Văn Hồng



NGUYEN THANH PHUONG

Name: _____

225352574 1988/07/14

Identification Number Date of Birth (yyyy/mm/dd)

2017/03/26 2019/03/26

Test Date (yyyy/mm/dd) Valid Until (yyyy/mm/dd)



TOTAL SCORE

805

VN2001 IIG Vietnam: www.iigvietnam.com Laos: www.iiglaos.com Cambodia: www.iigeducation.com

Detach Here

LISTENING

Your scaled score is between 400 and 495. Test takers who score around 400 typically have the following strengths:

- They can infer the central idea, purpose, and basic context of short spoken exchanges across a broad range of vocabulary, even when conversational responses are indirect or not easy to predict.
- They can infer the central idea, purpose, and basic context of extended spoken texts across a broad range of vocabulary. They can do this even when the information is not supported by repetition or paraphrase and when it is necessary to connect information across the text.
- They can understand details in short spoken exchanges, even when negative constructions are present, when the language is syntactically complex, or when difficult vocabulary is used.
- They can understand details in extended spoken texts, even when it is necessary to connect information across the text and when this information is not supported by repetition. They can understand details when the information is paraphrased or when negative constructions are present.

To see weaknesses typical of test takers who score around 400, see the *Proficiency Description Table.

READING

Your scaled score is close to 350. Test takers who score around 350 typically have the following strengths:

- They can infer the central idea and purpose of a written text, and they can make inferences about details.
- They can read for meaning. They can understand factual information, even when it is paraphrased.
- They can connect information across a small area within a text, even when the vocabulary and grammar of the text are difficult.
- They can understand medium-level vocabulary. They can sometimes understand difficult vocabulary in context, unusual meanings of common words, and idiomatic usage.
- They can understand rule-based grammatical structures. They can also understand difficult, complex, and uncommon grammatical constructions.

To see weaknesses typical of test takers who score around 350, see the *Proficiency Description Table.

ABILITIES MEASURED	PERCENT CORRECT OF ABILITIES MEASURED
	0% 100% Your Percentage
Can infer gist, purpose, and basic context based on information that is explicitly stated in short spoken texts	94
Can infer gist, purpose, and basic context based on information that is explicitly stated in extended spoken texts	90
Can understand details in short spoken texts	91
Can understand details in extended spoken texts	82

ABILITIES MEASURED	PERCENT CORRECT OF ABILITIES MEASURED
	0% 100% Your Percentage
Can make inferences based on information in written texts	83
Can locate and understand specific information in written texts.	62
Can connect information across multiple sentences in a single written text and across texts.	75
Can understand vocabulary in written texts	83
Can understand grammar in written texts	84

SAO Y BẢN CHÍNH
 Ngày 07 tháng 4 năm 2017

* Proficiency Description Table can be found on our web site, www.ets.org/toEIC

TRƯỜNG PHÒNG TỔ CHỨC-HÀNH CHÍNH
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
 Trần Đức Lượng

HOW TO READ YOUR SCORE REPORT:

Percent Correct of Abilities Measured: Percentage of items you answered correctly on this test form for each one of the Abilities Measured. Your performance on questions testing these abilities cannot be compared to the performance of test-takers who take other forms or to your own performance on other test forms.

Note: TOEIC scores more than two years old cannot be reported or validated.

BẢN SAO

ETS TOEFL.ITP

CERTIFICATE OF ACHIEVEMENT

This is to certify that

Truong Vo Quoc Viet

achieved the following scores on the

TOEFL® ITP Test

Listening Comprehension:	67
Structure & Written Expression:	62
Reading Comprehension:	59
Total:	627

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....3.7.6.5.....Quyển số.0.4.5.6.7.8.9

Ngày 26 -05- 2017



Đặng Văn Tuấn

David L. Hunt

David L. Hunt
Vice President and Chief Operating Officer
ETS Global Division

Under the auspices of:
IIE/Southeast Asia
At: Ruamrudee International School
Date: March 10, 2017
GOLD THA20102.1111170411.63491

Date of Birth: November 14, 1988
Student Number: 14143

INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

Test Report Form

ACADEMIC

BẢN SAO

NOTE Admission to undergraduate and postgraduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules. GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are **not** designed to test the full range of language skills required for academic purposes. It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test.

Centre Number Date Candidate Number

Candidate Details

Family Name
 First Name
 Candidate ID



Date of Birth Sex (M/F) Scheme Code
 Country or Region of Origin First Language

Repeating IELTS (Y/N) Previous Test Date Previous Test Centre

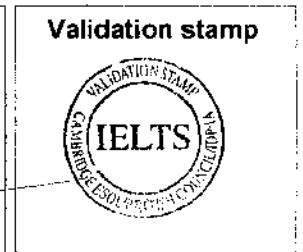
Test Results

Listening Reading Writing Speaking Overall Band Score

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực... ... Quyển số... ...
 Ngày... tháng... năm 20...

Administrator Comments



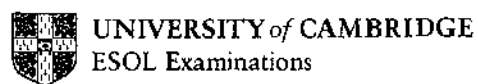
Writing Examiner Number

Administrator's Signature

Speaking Examiner Number

Date

Test Report Form Number



BAND 9 **EXPERT USER**

Has fully operational command of the language: appropriate, accurate and fluent with complete understanding.

BAND 8 **VERY GOOD USER**

Has fully operational command of the language with only occasional unsystematic inaccuracies and inappropriacies. Misunderstandings may occur in unfamiliar situations. Handles complex detailed argumentation well.

BAND 7 **GOOD USER**

Has operational command of the language, though with occasional inaccuracies, inappropriacies and misunderstandings in some situations. Generally handles complex language well and understands detailed reasoning.

BAND 6 **COMPETENT USER**

Has generally effective command of the language despite some inaccuracies, inappropriacies and misunderstandings. Can use and understand fairly complex language, particularly in familiar situations.

BAND 5 **MODEST USER**

Has partial command of the language, coping with overall meaning in most situations, though is likely to make many mistakes. Should be able to handle basic communication in own field.

BAND 4 **LIMITED USER**

Basic competence is limited to familiar situations. Has frequent problems in understanding and expression. Is not able to use complex language.

BAND 3 **EXTREMELY LIMITED USER**

Conveys and understands only general meaning in very familiar situations. Frequent breakdowns in communication occur.

BAND 2 **INTERMITTENT USER**

No real communication is possible except for the most basic information using isolated words or short formulae in familiar situations and to meet immediate needs. Has great difficulty understanding spoken and written English.

BAND 1 **NON USER**

Essentially has no ability to use the language beyond possibly a few isolated words.

BAND 0 **DID NOT ATTEMPT THE TEST**

No assessable information provided.

INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules.
GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes.
It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed **after two years** from the date of the test.

Centre Number Date Candidate Number

Candidate Details

Family Name

First Name

Candidate ID



Date of Birth Sex (M/F) Scheme Code

Country or Region of Origin

Country of Nationality

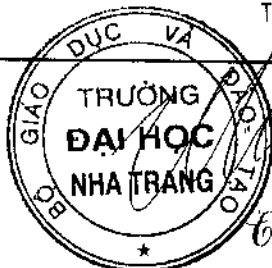
First Language

Test Results

Listening Reading Writing Speaking Overall Band Score

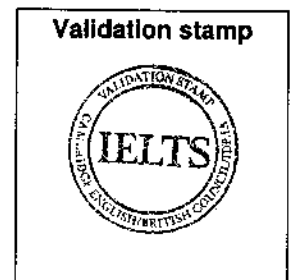
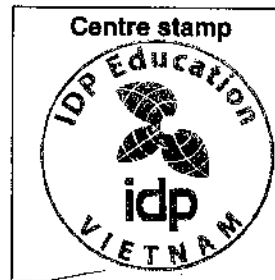
Administrator Comments

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 09 tháng 3 năm 2015
TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH



Administrator's Signature
Trần Đức Lương

Date



[Handwritten signature]

Test Report Form Number



CAMBRIDGE ENGLISH
Language Assessment
Part of the University of Cambridge



CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH CERTIFICATE OF ENGLISH LANGUAGE PROFICIENCY

Ngày thi: Date of test	12.10.2014 (dd.mm.yyyy)	Địa điểm thi Place of test	Đà Nẵng	QĐ số/ngày Decision No./date	514/QĐ-ĐHNN 14.11.2014
---------------------------	----------------------------	-------------------------------	---------	---------------------------------	---------------------------

Thông tin về thí sinh:

Candidate details:

Họ và tên
Full name

Phan Thị Kim Liên

Ngày sinh
Date of birth (dd.mm.yyyy)

25.01.1984

Số vào sổ
Reg. Number

004344/2014

Kết quả thi:

Test results:

Môn Nghe, Đọc, Từ vựng - Ngữ pháp (thang điểm 9.0, hệ số 2) Listening, Reading, Use of English (band 9.0, double)	Môn Viết (thang điểm 9.0) Writing (band 9.0)	Môn Nói (thang điểm 9.0) Speaking (band 9.0)	Điểm tổng hợp (thang điểm 9.0) Total score (band 9.0)
5.0	7.0	6.5	6.0

Theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam,

thí sinh đạt trình độ:

Bậc 5

Tương đương khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu (CEFR),

thí sinh đạt trình độ:

C1

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 11 năm 2014
(date month year)

HIỆU TRƯỞNG/ RECTOR
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NGOẠI NGỮ
TS. TRẦN HỮU PHÚC



Doan Nguyen Khanh Tran
Name

225354328 Identification Number

1988/07/21 Date of Birth (yyyy/mm/dd)

2016/06/19 Test Date (yyyy/mm/dd)

2018/06/19 Valid Until (yyyy/mm/dd)

LISTENING
Your score **430**
5 _____ 495

READING
Your score **285**
5 _____ 495

TOTAL SCORE
715

KNOW ENGLISH.
KNOW SUCCESS.

Vietnam www.iigvietnam.com Laos www.iiglaos.com Cambodia www.iigeducation.com VN2001

Copyright © 2013 by Educational Testing Service. All rights reserved. ETS, the ETS logos, and TOEIC are registered trademarks of Educational Testing Service. FOR INTERNAL USE ONLY

Detach Here

LISTENING

Your scaled score is between 400 and 495. Test takers who score around 400 typically have the following strengths:

- They can infer the central idea, purpose, and basic context of short spoken exchanges across a broad range of vocabulary, even when conversational responses are indirect or not easy to predict.
- They can infer the central idea, purpose, and basic context of extended spoken texts across a broad range of vocabulary. They can do this even when the information is not supported by repetition or paraphrase and when it is necessary to connect information across the text.
- They can understand details in short spoken exchanges, even when negative constructions are present, when the language is syntactically complex, or when difficult vocabulary is used.
- They can understand details in extended spoken texts, even when it is necessary to connect information across the text and when this information is not supported by repetition. They can understand details when the information is paraphrased or when negative constructions are present.

To see weaknesses typical of test takers who score around 400, see the *Proficiency Description Table.

READING

Your scaled score is between 250 and 350. Test takers who score around 250 typically have the following strengths:

- They can make simple inferences based on a limited amount of text.
- They can locate the correct answer to a factual question when the language of the text matches the information that is required. They can sometimes answer a factual question when the answer is a simple paraphrase of the information in the text.
- They can sometimes connect information within one or two sentences.
- They can understand easy vocabulary, and they can sometimes understand medium-level vocabulary.
- They can understand common, rule-based grammatical structures. They can make correct grammatical choices, even when other features of language, such as difficult vocabulary or the need to connect information, are present.

To see weaknesses typical of test takers who score around 250, see the *Proficiency Description Table. If your performance is closer to 350, you should also review the descriptors for test takers who score around 350.



Can infer gist, purpose and basic context based on information that is explicitly stated in short spoken texts	0% 100%
Can infer gist, purpose and basic context based on information that is explicitly stated in extended spoken texts	0% 100%
Can understand details in short spoken texts	0% 100%
Can understand details in extended spoken texts	0% 100%

Can make inferences based on information in written texts	0% 100%
Can locate and understand specific information in written texts	0% 100%
Can connect information across multiple sentences in a single written text and across texts	0% 100%
Can understand vocabulary in written texts	0% 100%
Can understand grammar in written texts	0% 100%

* Proficiency Description Table can be found on our web site, www.ets.org/toEIC

HOW TO READ YOUR SCORE REPORT:

Percent Correct of Abilities Measured:
Percentage of items you answered correctly on this test form for each one of the Abilities Measured. Your performance on questions testing these abilities cannot be compared to the performance of test-takers who take other forms or to your own performance on other test forms.

Note: TOEIC scores more than two years old cannot be reported or validated.

INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules.
GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes.
It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test.

Centre Number VN028 Date 18/JAN/2014 Candidate Number 009504

Candidate Details

Family Name

LEE

First Name

DINH NGOC CAN

Candidate ID

225390108



Date of Birth

02/09/1989

Sex (M/F)

M

Scheme Code

Private Candidate

Country or Region of Origin

Country of Nationality

VIET NAM

First Language

VIETNAMESE

Test Results

Listening

5.0

Reading

5.5

Writing

6.0

Speaking

6.0

Overall Band Score

5.5

SAO Y BẢN CHÍNH

Administrator Comments

Số:.....Ngày:.....

TRƯỜNG PHÒNG TỔ CHỨC-HÀNH CHÍNH



Trần Đức Lương

Centre stamp



Validation stamp



Writing Examiner Number

992485

Administrator's Signature

Speaking Examiner Number

072074

Date

24/01/2014

Test Report Form Number

13VN009504-ED028A



CAMBRIDGE ENGLISH
Language Assessment
Part of the University of Cambridge

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post-graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules. GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes. It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after five years from the date of the test.

Centre Number

VN028

Date

12/DEC/2015

Candidate Number

009622

Candidate Details

Family Name

NGUYEN

First Name

HUU MANH

Candidate ID

141936058



Date of Birth

20/02/1982

Sex (M/F)

M

Scheme Code

Private Candidate

Country or Region of Origin

Country of Nationality

VIET NAM

First Language

VIETNAMESE

Test Results

Listening

5.0

Reading

5.0

Writing

5.0

Speaking

6.0

Overall Band Score

5.5

CEFR Level

B2

Administrator Comments

Empty box for Administrator Comments.

Centre stamp



Validation stamp



Administrator's Signature

Therese Hume

Date

24/12/2015

Test Report Form Number

15VN009622NGUH028A

BAND 9**EXPERT USER**

Has fully operational command of the language: appropriate, accurate and fluent with complete understanding.

BAND 8**VERY GOOD USER**

Has fully operational command of the language with only occasional unsystematic inaccuracies and inappropriacies. Misunderstandings may occur in unfamiliar situations. Handles complex detailed argumentation well.

BAND 7**GOOD USER**

Has operational command of the language, though with occasional inaccuracies, inappropriacies and misunderstandings in some situations. Generally handles complex language well and understands detailed reasoning.

BAND 6**COMPETENT USER**

Has generally effective command of the language despite some inaccuracies, inappropriacies and misunderstandings. Can use and understand fairly complex language, particularly in familiar situations.

BAND 5**MODEST USER**

Has partial command of the language, coping with overall meaning in most situations, though is likely to make many mistakes. Should be able to handle basic communication in own field.

BAND 4**LIMITED USER**

Basic competence is limited to familiar situations. Has frequent problems in understanding and expression. Is not able to use complex language.

BAND 3**EXTREMELY LIMITED USER**

Conveys and understands only general meaning in very familiar situations. Frequent breakdowns in communication occur.

BAND 2**INTERMITTENT USER**

No real communication is possible except for the most basic information using isolated words or short formulae in familiar situations and to meet immediate needs. Has great difficulty understanding spoken and written English.

BAND 1**NON USER**

Essentially has no ability to use the language beyond possibly a few isolated words.

BAND 0**DID NOT ATTEMPT THE TEST**

No assessable information provided.



CERTIFICATE

LEVEL C1- The Common European Framework of Reference for Languages

This is to certify that

Võ Nguyễn Hồng Lam

Date of birth : 12.03.1976

has successfully passed Level C1 (CEFR) exam on 01.06.2014

at Hue University of Foreign Languages with the following scores of skills:

Final Listening Test	52
Final Speaking Test	8 / 9
Final Reading Test	56
Final Writing Test	7 / 9
Final Grammar Test	57

Converted Score (IELTS) :

7

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 7 năm 2014

President
Hue University of Foreign Languages



Associate Professor Dr. Tran Van Phuoc



TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC-HÀNH CHÍNH

Trần Đức Lương

Hue City, July 10th, 2014

Certificate N^o : 148 / HUCFL - 7 / 2014

TOEFL ITP Score Report

Name of Institution: IIG-VIETNAM

Name: TRAN QUANG DUY

DOB: 06/08/1986

Sex: M Degree:

Native Country: Vietnam

Native Language: Vietnamese

Scaled Scores:

Listening Comprehension: 44
Structure & Written Expression: 46
Reading Comprehension: 45
Total Score: 450

Student Number: 225298979

Times Taken TOEFL: 2+

Test Date: 02/20/2013

Form: TOEFL ITP

INSTITUTIONAL TESTING PROGRAM

Student's File Copy

Do Not Copy

TOEFL ITP

of this document has a security background. The back contains a watermark. Hold at an angle to view.

Tests offered under the TOEFL Institutional Testing Program (ITP) are intended for use by the administering educational institution only. Under this program, scores are reported to the institution administering the test and cannot be transferred to other institutions. If candidates need TOEFL scores for admission to universities and colleges, they must take the TOEFL test.

9573 • FB40R300 • Printed in U.S.A.

I.N. 300253

THIS IS AN ITP SCORE REPORT

This ITP score record is NOT to be used to fulfill entrance requirements to universities. It is for the administering institution only.

Copyright © 2008 by Educational Testing Service.

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules.
GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes.
It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test.

Centre Number

VN028

Date

12/DEC/2015

Candidate Number

009611

Candidate Details

Family Name

BACH

First Name

VAN SY

Candidate ID

225911761



Date of Birth

11/09/1985

Sex (M/F)

M

Scheme Code

Private Candidate

Country or Region of Origin

Country of Nationality

VIET NAM

First Language

VIETNAMESE

Test Results

Listening

4.5

Reading

5.0

Writing

5.0

Speaking

5.0

Overall Band Score

5.0

CEFR Level

B1

Administrator Comments

Đã kiểm tra
SAC THẨM CHÍNH
Ngày 04 tháng 01 năm 2016
TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH



Administrator's Signature

Trần Đức Lương

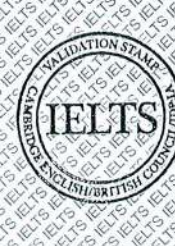
Date

24/12/2015

Centre stamp



Validation stamp



Test Report Form Number

15VN009611BACV028A

INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules.
GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes.
It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test.

Centre Number Date Candidate Number

Candidate Details

Family Name
First Name
Candidate ID



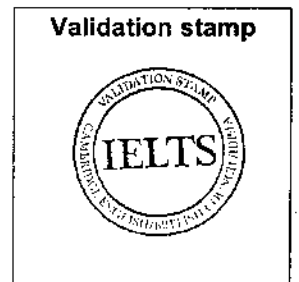
Date of Birth Sex (M/F) Scheme Code
Country or Region of Origin
Country of Nationality
First Language

Test Results

Listening Reading Writing Speaking Overall Band Score

Administrator Comments

*Đã kiểm tra online (7 điểm)
ngày 13/8/2014*



ID: 225199589 SAO Y BẢN CHÍNH

C.N: 004080 ngày 13 tháng 08 năm 2014
Administrator's Signature



TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC-HÀNH CHÍNH

Date

Trần Đức Lương

Test Report Form Number



CAMBRIDGE ENGLISH
Language Assessment
Part of the University of Cambridge

INTERNATIONAL ENGLISH LANGUAGE TESTING SYSTEM

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules.
GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are **not** designed to test the full range of language skills required for academic purposes.
It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test.

Centre Number Date Candidate Number

Candidate Details

Family Name
First Name
Candidate ID

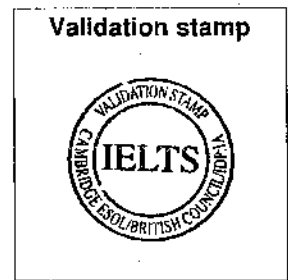
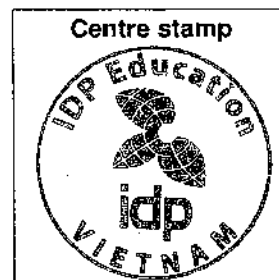


Date of Birth Sex (M/F) Scheme Code
Country or Region of Origin
Country of Nationality
First Language

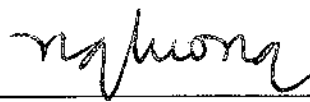
Test Results

Listening Reading Writing Speaking Overall Band Score

Administrator Comments



Writing Examiner Number

Administrator's Signature 

Speaking Examiner Number

Date

Test Report Form Number



UNIVERSITY of CAMBRIDGE
ESOL Examinations

IELTS™

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules.
GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes.
It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test.

Centre Number

VN101

Date

04/AUG/2016

Candidate Number

005136

Candidate Details

Family Name

NGUYEN

First Name

THI THUAN

Candidate ID

15728500



Date of Birth

08/02/1978

Sex (M/F)

M

Scheme Code

Private Candidate

Country or Region of Origin

Country of Nationality

VIET NAM

First Language

VIETNAMESE

Test Results

Listening



Reading



Writing



6.0

Speaking



Overall Band Score



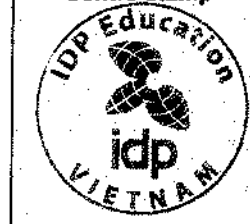
CEFR Level



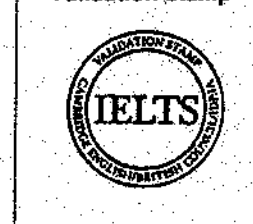
Administrator Comments

Empty box for Administrator Comments

Centre stamp



Validation stamp



Administrator's Signature

Date

16/08/2016

Test Report Form Number

15728500/005136/16/08/2016



CAMBRIDGE ENGLISH
Language Assessment
Part of the University of Cambridge

The validity of this IELTS Test Report Form can be verified online by recognising organisations at <http://ielts.ucles.org.uk>